

Phụ lục III

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
NGUỒN VỐN NĂM 2025 CHUYỂN SANG NĂM 2026 CÒN DƯ TẠI NGÂN SÁCH TỈNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026		
		Tổng số	Trong đó:	
			NSTW	NSDP
	TỔNG CỘNG	50.507.367	48.555.011	1.952.356
I	Cấp tỉnh	5.760.000	5.760.000	0
	Sở Nông nghiệp và Môi trường	5.760.000	5.760.000	0
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	5.760.000	5.760.000	
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	5.760.000	5.760.000	
II	UBND cấp xã	44.747.367	42.795.011	1.952.356
1	Xã Nà Phặc	240.000	240.000	0
2	Xã Chợ Đồn	5.515.000	5.150.000	365.000
3	Xã Chợ Rã	1.036.800	1.036.800	0
4	Xã Đồng Hỷ	1.500.000	1.300.000	200.000
5	Xã Võ Nhai	2.500.000	2.334.560	165.440
6	Xã Yên Phong	2.000.000	1.900.000	100.000
7	Xã Nghiên Loan	2.000.000	1.900.000	100.000
8	Xã Côn Minh	2.000.000	1.925.000	75.000
9	Xã Thanh Thịnh	2.000.000	1.853.500	146.500
10	Xã Bạch Thông	2.138.047	2.115.881	22.166
11	Xã Yên Thịnh	2.000.000	1.950.000	50.000

STT	Đơn vị	Phân bổ kế hoạch vốn năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026		
		Tổng số	Trong đó:	
			NSTW	NSDP
12	Xã Phú Thông	2.000.000	1.950.000	50.000
13	Xã Cao Minh	2.438.920	2.388.920	50.000
14	Xã Phúc Lộc	2.000.000	1.950.000	50.000
15	Xã Hiệp Lực	2.000.000	1.950.000	50.000
16	Xã Ngân Sơn	2.000.000	1.950.000	50.000
17	Xã Tân Kỳ	4.000.000	3.938.550	61.450
18	Xã Phong Quang	2.100.000	1.972.000	128.000
19	Xã Dân Tiến	2.350.000	2.225.000	125.000
20	Xã Tràng Xá	2.928.600	2.764.800	163.800